TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-02-2018
V/v "*Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Trúc Linh.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Thạch Thanh Long.
2/. Ông Nguyễn Văn Tráng.

Thư ký phiên tòa: ông Đinh Văn Dư –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2017/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/QĐXXST-HN ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990 (có mặt).
Nơi Đăng ký HKTT: ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: anh Mai Văn K, sinh năm 1986 (yêu cầu xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: ấp R, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Ngọc T trình bày: Chị và anh K do quen biết nhau và được sự đồng ý của gia đình chị và anh K đã đi đến hôn nhân, lễ cưới được tổ chức vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C vào ngày 07/01/2012, nữ trang ngày cưới gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kra, 01 sợi dây chuyền 02 chỉ vàng 24kra, 01 tấm lắc 02 chỉ vàng 24kra, số vàng này vợ chồng đã bán hiện nay không còn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc khoảng đầu năm 2017 do anh K công việc không ổn định, thường xuyên đi ăn nhậu về kiếm chuyện, xúc phạm danh dự chị, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thời gian về sau chị và anh K cảm thấy không hợp nhau, gia đình không hạnh phúc, không tìm thấy tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt

được, vợ chồng thường xuyên cải nhau, sau khi sinh con, chị và anh K về bên cha mẹ ruột chị sống một thời gian nhưng tính tình anh K vẫn không thay đổi, mặc dù chị đã khuyên ngăn nhiều lần, đến khoảng tháng 6 năm 2017 anh K bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ thời gian đó cho đến nay không hàn gắn được.

Về con chung: Quá trình vợ chồng sống hạnh phúc sinh được 01 người con chung tên Mai Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 26/6/2014 hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng chị.

Nay về quan hệ hôn nhân chị xin được ly hôn với anh Mai Văn K; Về con chung: tên Mai Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 26/6/2014 sau khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Mai Văn K trình bày: Anh là chồng của chị Nguyễn Ngọc T, anh hoàn toàn thống nhất lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, nữ trang, con chung là đúng sự thật. Qúa trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung, vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng anh, sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Nay về quan hệ hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Ngọc T, về con chung tên Mai Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 26/6/2014 hiện đang sống với chị T, sau khi ly hôn anh đồng ý cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng con, anh không cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh Mai Văn K vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên Tòa hôm nay anh Mai Văn K là bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa hôm nay anh Mai Văn K là bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dụng vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Nguyễn Ngọc T và anh Mai Văn K được xác lập vào năm 2012 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C vào ngày 07/01/2012, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc khoảng đầu năm 2017 do anh K công việc không ổn định, thường xuyên đi ăn nhậu về kiếm chuyện, xúc phạm danh dự chị, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, thời gian về sau chị và anh K cảm thấy không hợp nhau, gia đình không hạnh phúc, không tìm thấy tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng thường xuyên cải nhau, sau khi sinh con, chị và anh K về bên cha mẹ ruột chị sống một thời gian nhưng tính tình anh K vẫn không thay đổi, mặc dù chị đã khuyên ngăn nhiều lần, đến khoảng tháng 6 năm 2017 anh K bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng ly thân từ thời gian đó cho đến nay không hàn gắn được. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh K nên yêu cầu được ly hôn, anh K cũng thống nhất ly hôn với chị T.

Từ các nguyên nhân trên xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa chị T và anh K ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa chị T xin ly hôn với anh K là có căn cứ, đúng qui định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nghĩ nên chấp nhận yêu cầu cho chị T và anh K được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung tên: Mai Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 26/6/2014 hiện đang sống với chị T. Tại Tòa hôm nay chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, tại bản tự khai anh K cũng thống nhất giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng, từ đó nghĩ nên giao chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu N sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh K có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay chị T chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu, Tòa không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Ngọc T và anh Mai Văn K được ly hôn.

- Về con chung: chị Nguyễn Ngọc T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Mai Nguyễn Huỳnh N, sinh ngày 26/6/2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa có yêu cầu nên Tòa không xét đến.

Anh Mai Văn K được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu, Tòa không xem xét.

- Về án phí: chị Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/ 0012681 ngày 16/11/2017 do Chi cục thi hành án dân sự huyện C thu, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

2. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
-TAND tỉnh.
-VKSND huyện, tỉnh.
-CCTHADS huyện.
-Các đương sự.
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Thị Trúc Linh